

Bản án số: **532** /2026/HNGĐ- ST

Ngày: 04/6/2026

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí
- Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Vân và ông Hoàng Văn Long;
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 308/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2026, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2026/QĐST- HNGĐ ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Chữ Thị P**, sinh năm 1984; CCCD số: 00118403xxxx; nơi ĐKKHTT và nơi ở: Thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội.. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1982; CMND số: 01213xxxx; nơi ĐKKHTT và nơi ở: Thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về phía nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản khai, lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Chữ Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, T (cũ) ngày 29/12/2006, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và không bị ép buộc. Nghề nghiệp hai vợ chồng: Điều lao động tự do (Hiện tại Tôi thì làm bấm huyệt xương khớp, anh H lái taxi).

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian khoảng hơn 07 – 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh H mãi chơi không chịu khó làm ăn và ít quan tâm đến gia đình, vợ con, dẫn đến phát sinh nhiều

mâu thuẫn (từ tình cảm đến làm ăn kinh tế), vợ chồng ít khi bàn bạc, nói chuyện. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay (Tôi và các con vẫn ăn ở tại nhà chồng; anh H thì ra ngoài làm ăn và thuê trọ để ở không về nhà). Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình có biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành và tự quyết định.

Nay tôi xét thấy vợ chồng không còn tình cảm. Ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do vậy, tôi xin được Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn để sớm ổn định công việc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2007 (trên 18 tuổi); Nguyễn Hà A, sinh năm 2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2012. Ly hôn, con Nguyễn Anh T đã trưởng thành không đề nghị giải quyết. Còn giao con Nguyễn Hà A cho Tôi và giao con Nguyễn Minh Đ cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng. Vấn đề góp phí tôn nuôi con xin tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Thu nhập hiện tại của tôi khoảng 15 - 20 triệu/tháng, thu nhập ổn định.

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn và không hoà giải nhiều lần.

**Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H Tòa án đã tiến hành tổng đạt H lệ các thông báo, giấy báo và các văn bản tố tụng có liên quan cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến, quan điểm của anh H về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

* Đại diện gia đình anh H là bà Phạm Thị V, sinh năm 1948; CCCD số: 00114800xxxx; ngày cấp: 21/04/2021; nơi thường trú: Thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội, trình bày: Tôi là mẹ đẻ của anh Nguyễn Xuân H. Chị P và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và có tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị P và anh H sống cùng với tôi tại thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, tôi nhận thấy giữa chị P và anh H không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng (không cãi nhau, không đánh nhau). Tuy nhiên, vào khoảng năm 2012, tôi mua xe ô tô cho anh H chạy taxi. Kể từ đó, anh H thường xuyên đi sớm, về muộn, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm sóc gì đến chị P, các con chung và cả tôi. Bản thân tôi đã gặp trực tiếp người phụ nữ anh H quan hệ để nói chuyện nhưng cả anh H và người phụ nữ đó vẫn quan hệ ngoài luồng với nhau. Vào khoảng tháng 11/2025, khi tôi cải mộ cho chồng tôi thì con anh H có gọi anh H về tham dự. Sau đó, anh H tiếp tục thường xuyên đi sớm, về muộn (thậm chí đi vài ngày mới về qua nhà). Trong thời gian anh H quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác thì chị P cùng các con vẫn sống cùng với tôi. Chị P là người biết cách cư xử và có trách nhiệm với tôi và gia đình nên giữa tôi và chị P không có mâu thuẫn gì.

Chị P và anh H có ba con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Hà A, sinh năm 2009; cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2012. Cả ba cháu đang ở cùng chị P và tôi. Các cháu đều đang đi học và phát triển bình thường về thể chất và tâm lý. Chị P và anh H sống cùng với tôi nên không có tài sản chung. Chị Phương và anh H không có nợ chung.

Nay, chị P xin ly hôn anh H thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường H, sau ly hôn, chị P và các con có nguyện vọng ở với tôi thì tôi cam kết tạo mọi điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về kinh tế nếu chị P cần thì để đảm bảo chị P có đủ điều kiện để nuôi các con.

Tôi đã nhận các văn bản tố tụng thay anh H và cam kết giao/ thông báo cho anh H. Hiện tại, tôi là người cao tuổi, đi lại khó khăn nên từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án không triệu tập tôi. Tôi giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trên và không bổ sung thêm ý kiến nào khác.

*Xác minh tại địa phương: Qua xác minh tại chính quyền địa phương được cung cấp như sau: Về hôn nhân, chị P và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, thành phố Hà Nội, ngày 29/12/2006 (nay là xã T). Sau khi kết hôn, chị P và anh H sống cùng với mẹ của anh H là bà Phạm Thị V tại thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống tại địa phương do chị P và anh H có mâu thuẫn về tình cảm nên hai bên đã không chung sống cùng nhau trong thời gian dài.

Về con chung: Chị P và anh H có 3 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Hà A, sinh năm 2009 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2012. Cả 3 cháu đều đang ở với chị P và bà V.

Về tài sản chung, nợ chung; về việc làm và thu nhập: Chính quyền địa phương không nắm rõ.

Chị P sống tại địa phương, hòa thuận với mẹ chồng, gia đình nhà chồng và hàng xóm xung quanh, hiền lành, chịu khó lao động, cư xử khéo léo trong các mối quan hệ xã hội nên được mọi người yêu quý. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh H thì đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt anh H nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định. Chị P giữ nguyên quan điểm và đề nghị tòa giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền; thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy

định của pháp luật; bị đơn có mặt tại địa phương, nhưng không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án; về thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chủ Thị P và cần xử cho chị P được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2007; Nguyễn Hà A, sinh năm 2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2012. Ly hôn, do cháu Tuấn (trên 18 tuổi) đã trưởng thành không đề nghị giải quyết. Giao con Hà A cho chị P; con Minh Đ giao cho anh H nuôi dưỡng và chăm sóc. Vấn đề góp phí tổn nuôi con chị P xin tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công sức và công nợ chung: Chị P xin tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H và chị P có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân H và chị Chủ Thị P đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 4, xã T, thành phố Hà Nội nên việc chị P có đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (không lý do). Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, T (cũ) ngày 29/12/2006 (Nay là xã T). Đây là hôn nhân H pháp.

Quá trình chung sống theo chị P: Vợ chồng hòa thuận, anh phúc được khoảng hơn 07 – 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh H mãi chơi không chịu khó làm ăn, ít quan tâm đến gia đình và vợ con, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn (từ tình cảm đến làm ăn kinh tế), vợ chồng ít khi bàn bạc, nói chuyện. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay (Chị P và các con vẫn ăn ở tại nhà

chồng; anh H thì ra ngoài làm ăn và thuê trọ để ở không về nhà). Về phía anh H trong suốt quá trình tố tụng đều đã được giao gửi, thông báo các văn bản tố tụng thông qua bà Phạm Thị V (mẹ đẻ) nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đại diện gia đình anh H là bà Phạm Thị V (mẹ đẻ anh H) cho rằng, do anh H trong quá trình làm ăn (chạy xe Taxi) có quan hệ với người phụ nữ khác do vậy ít quan tâm đến gia đình, vợ con và cả bà. Việc mâu thuẫn của vợ chồng bà đã trực tiếp khuyến bảo, tác động nhưng không đạt kết quả. Còn việc chị P và các con hiện đang chung sống tại nhà bà thì không có điều tiếng hay mâu thuẫn gì. Qua xác minh tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh H là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay (Chị P và các con ở tại nhà đẻ anh H; anh H thì ra ngoài thuê trọ để ăn, ở riêng). Cho thấy, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh H không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P và cần xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2007; Nguyễn Hà A, sinh năm 2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2012.

Ly hôn, do con Nguyễn Anh T (trên 18 tuổi) đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra để giải quyết. Còn con Nguyễn Hà A và con Nguyễn Minh Đ, nguyện vọng của chị P và các con thì cần giao con Nguyễn Hà A cho chị P, giao con Nguyễn Minh Đ cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về góp phí tổn nuôi con chị P xin tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết. Nguyện vọng trên cũng được bà Phạm Thị V (mẹ đẻ anh H) đồng tình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện về hoàn cảnh kinh tế, chỗ ăn, ở học hành cũng như nguyện vọng của các con chung. Chị P và anh H ly hôn: Con Nguyễn Anh T (trên 18 tuổi) đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Giao con Nguyễn Hà A cho chị P và giao con Nguyễn Minh Đ cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị P và anh H có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho anh H, chị P cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Chị P xin tự thỏa thuận và không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Chủ Thị P đối với anh Nguyễn Xuân H;

1. Về hôn nhân: Chị **Chủ Thị P** được ly hôn anh **Nguyễn Xuân H**;

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh 24/10/2007; Nguyễn Hà A, sinh 26/10/2009 và Nguyễn Minh Đ, sinh 29/05/2012. Ly hôn, do con Nguyễn Anh T (trên 18 tuổi) đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

Giao con Nguyễn Hà A cho chị P và giao con Nguyễn Minh Đ cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị P, anh H có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tồn nuôi con cho anh H, chị P cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chủ Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008046 ngày 03/4/2026 của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết H Hẹn fh[i/

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND khu vực 11- HN;
- P THA DS khu vực 11 – HN;
- UBND xã T - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí